TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2018/QĐST-DS	*Hàm Thuận Bắc, ngày 08 tháng 10 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 09 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 126/2018/TLST – DS ngày 16 tháng 8 năm 2017, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* .

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: Số 130 P, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Tổng giám đốc. Theo Quyết định ủy quyền số 122/QD – DAB – HĐQT ngày 27/4/2016 của chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Á.

+ Ông Nguyễn Hữu H - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Bình Thuận. Theo Quyết định ủy quyền số 128/QD – DAB – HĐQT ngày 06/02/2018 của chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Á.

Bị đơn: Ông Võ Văn N – sinh năm 1956

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị L – sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ do ông Nguyễn Hữu H đại diện theo ủy quyền yêu cầu ông Võ Văn N, bà Phùng Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/9/2018 là là 23.898.876đ; trong đó tiền nợ gốc là 17.471.802đ, nợ lãi trong hạn là 692.308đ; nợ lãi quá hạn là 5.734.766đ và lãi suất phát sinh kể từ ngày 29/9/2018 theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ghi ngày 12/6/2015 cho đến khi trả hết nợ.

Ông Võ Văn N, bà Phùng Thị L tự nguyện, đồng ý, thống nhất thỏa thuận theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Ông Võ Văn N, bà Phùng Thị L cùng tự nguyện đồng ý thỏa thuận trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 28/9/2018 là 23.898.876đ; trong đó tiền nợ gốc là 17.471.802đ; nợ lãi trong hạn là 692.308đ; nợ lãi quá hạn là 5.734.766đ và lãi suất phát sinh kể từ ngày 29/9/2018 theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ghi ngày 12/6/2015 cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày giải quyết sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Bà Phùng Thị L thỏa thuận chịu 298.735đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (thuộc trường hợp được miễn theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 584.000đ do Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã nộp 584.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023020 ngày 16 tháng 8 năm 2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bạch Tuyết